

**Từ góc độ lý giải, ghi nhận thêm
VỀ BẢN CHẤT NHÓM TỪ
CHỈ HƯỚNG VẬN ĐỘNG TRONG TIẾNG VIỆT^[1]**

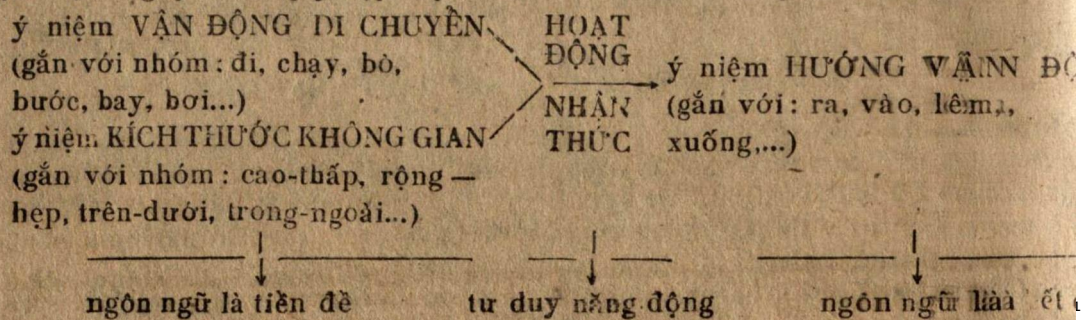
NGUYỄN

1. Khái niệm *hướng vận động* trước hết được xác định và làm sáng tỏ từ thể đối lập với *hướng tĩnh*. Hướng tĩnh được hình thành trong tiếng Việt gắn nhóm từ *trên, dưới, trong, ngoài...* Trong khi đó, hướng vận động gắn với nhóm từ *lên, xuống, ra, vào...* Như vậy, nếu hướng tĩnh được hình thành gắn với nhận thức và tính đối ứng các quy mô kích thước không gian thông qua sự so sánh tương đối của một chủ thể *không di động* thì hướng vận động, ngược lại, gắn với nhận thức của một chủ thể *đang di động* [2]. Từ đó, có thể nói: từ chỉ hướng vận động ra đời là kết quả của một quá trình nhận thức về *một dạng vận động*, trong *đích không gian mà chủ thể vận động đang di động hướng tới luôn mãi trong đối ứng* (dưới dạng này dạng khác) *với điểm xuất phát*.

2. Xét từ góc độ bản thể của các quá trình hình thành theo hướng quy ngữ nghĩa gắn với sự phát triển có định hướng của tư duy nhận thức... (Khái niệm của con người không đứng im mà luôn vận động, chuyển từ cái này sang kia, từ cái nọ sang cái kia, không như vậy, chúng không còn là cái gì phản đối đời sống sinh động...)» Lenin, Bút kí triết học, Sự thật, 1977 tr. 282) thì *tiền đề nhận thức* không thể thiếu với sự hình thành nhóm từ này:

a) Nhận thức về vận động di chuyển (gắn với nhóm từ động tác:: đi, bước, bò).

b) Nhận thức về mối tương quan giữa các quy mô và kích thước không gian gắn với nhóm cao - thấp, trên - dưới, hẹp - rộng, trong - ngoài... (Ở đây, nhấn mạnh, nếu chủ thể vận động không có ý niệm về mối tương quan không gian cao - thấp, trên - dưới, rộng - hẹp, ngoài - trong... thì không có tiền đề quá trình định hình ý niệm LÊN, XUỐNG, VÀO, RA...; và ngược lại, nếu chủ thể được sự đối ứng kích thước không gian nhưng chủ thể tư duy chưa ý thức được trạng thái vận động di chuyển thì ý niệm trên cũng thiếu tiền đề để trở thành hiện thực. Nguyên tắc quy nạp này có thể biểu diễn sơ lược như sau:



Cánh nguyên tắc qui nạp ngữ nghĩa trên giúp ta xác định, dù nhóm từ chỉ hướng vận động (ra, vào, lên, xuống...), nhóm từ động tác (chạy, bò, bước...) và nhóm từ kích thước không gian cùng tồn tại chung trên trục đồng đại nhưng, về mặt lci đại, nhóm từ chỉ hướng vận động không thể xuất hiện sớm hơn hai nhóm kia [3].

3. Về phương diện khác, khi nói đến quá trình hình thành nhóm từ này, dĩ nhiên ta không thể không gắn nó với đặc điểm loại hình cụ thể. Nếu so tiếng Việt (cũng như tiếng Trung Quốc, tiếng Khmer, tiếng Thái...) với một số tiếng thuộc hệ Ấn Âu thì trong tiếng Việt ý niệm về hướng vận động trên được định hình gắn với dấu hiệu hình thái từ *hoàn chỉnh*; nó có thể dùng như yếu tố phụ gia (af, ab, aus, ein... (tiếng Đức); c, b, bz... (tiếng Nga) đồng thời vừa dùng được lci lập với vai trò hạt nhân trong các kết cấu biểu hiện vận động di chuyển trong không gian (ví dụ vào trong « Nó chạy vào » và trong « Nó vào nhà »). Trong khi đó, ở tiếng Ấn-Âu phần lớn ý niệm này định hình dưới dạng phụ gia (affixe), và những phụ gia này không thể là hạt nhân độc lập trong các kết cấu biểu hiện vận động không gian như ở tiếng Việt, tiếng Trung Quốc, Thái...

Như vậy có thể nói được rằng, sự đồng hình giữa chính tố và phụ tố về mặt hình thái và sự hòa kết giữa nhân tố vận động và nhân tố hướng về mặt ngữ nghĩa là hai mặt thống nhất không thể tách rời, qui định đặc trưng bản chất của nhóm từ chỉ hướng vận động trong tiếng Việt [4].

4. Từ chỉ hướng vận động hình thành từ tiền đề nhận thức về tính đối ứng trong quá trình vận động thông qua sự so sánh tương đối của nhân tố chủ quan. Phạm vi chủ quan của hiện thực tâm lý trên mang tiềm năng rất cơ động trong việc tạo ra sự khúc xạ giữa các phạm trù gắn với quá trình chuyển hóa nghĩa. Chẳng hạn, ngay từ trong các kết cấu vận động không gian, ta đã có thể chia kết quả phản ánh tính đối ứng (do nhóm từ này làm hạt nhân) thành hai: Đối ứng gắn với sự phản ánh hiện thực khách quan và đối ứng gắn với sự phản ánh hiện thực chủ quan. Đối ứng thứ nhất phản ánh hiện thực tự nhiên của môi trường địa hình và đối ứng thứ hai nặng thông báo về bản thân tính chất hoạt động của chủ thể vận động. Lên, xuống, ra, vào tiêu biểu cho phản ánh đối ứng thứ nhất về, đi, đến tiêu biểu cho đối ứng thứ hai. Tức là, khi trục vận động lò gích được hiện thực hóa bằng ra, vào, lên, xuống thì ta có câu hỏi: vận động ấy diễn ra theo thế đã rng địa hình tự nhiên nào? từ rộng đến hẹp? cao đến thấp? ... Cũng theo cách đặt vấn đề trên thì nhóm sau, khi trả lời, đã có thiên hướng không còn gắn với những thông báo về đối ứng địa hình tự nhiên khách quan. Câu hỏi ở đây là: Vận động ấy diễn ra một chiều hay khép kín? Thuận hay nghịch hướng, xuất phát hay tiếp cận?

5. Chính đặc điểm bao quát về tiềm năng chuyển hóa trên, đặc biệt, lại còn là tiền đề phong phú cho quá trình phát triển rất đa dạng của nhóm từ. Chẳng hạn từ các sắc thái nghĩa được phân bố một cách phổ biến trên bình diện sử dụng đồng vị, ta có thể qui thành ba hướng đối ứng thuộc ba phạm trù nghĩa mà giữa chúng ít nhiều có mối liên hệ bên trong (hoặc trực tiếp hoặc gián tiếp).

Có thể cảm nhận được: phạm trù không gian, phạm trù thời gian, phạm trù tâm lý. Chẳng hạn, có thể nêu lên một số kết cấu cụ thể như sau:

RA₁ (X chạy ra đường) thông báo hướng di chuyển từ hẹp đến rộng (không gian).

RA₂ (X tìm ra đáp số) nêu kết quả và kết thúc quá trình hoạt động (thời gian)

RA₃ (X đẹp ra) gián tiếp bộc lộ thái độ ngạc nhiên (theo hướng tích cực).

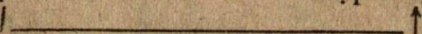
Bằng con đường xúc cảm tâm lí trong khi bình phẩm thuộc tính (sắc đẹp RA₁ sang ý nghĩa không gian. Với RA₂ và RA₃ ý nghĩa không gian đã khúc xạ thành sắc thái khác. Nghĩa sắc thái khác ở đây dĩ nhiên không còn ứng nguyên với nghĩa không gian gốc ở RA₁. Tuy nghĩa sản sinh về sau gắn với RA₂, RA₃ có thể chưa (hoặc vĩnh viễn không) nằm trong hệ thống, nhưng về chức năng gián tiếp, RA₂ và RA₃ đều có góp phần cụ thể của mình vào việc tạo ra lượng thông tin chung cho cả kết cấu (như RA₁). Như vậy, về mặt thao tác, khi đã dựa vào tính chất mở rất linh hoạt của cơ chế ngữ nghĩa (thông qua sự giao hoán giữa ngôn ngữ và lời nói) làm tiền đề để khảo sát thì dù muốn dù không phải dựa trên cơ chế nghĩa mới và phải xét sự biến động cần tìm ấy diễn ra ở đơn vị nhỏ nhất của nghĩa theo qui luật chi phối giữa các phạm trù không gian, thời gian và tâm lí qua những dạng khúc xạ có thể có như thế nào [5].

RA₁. X tìm RA₂ đáp số/. nghe RA₂ lẽ phải/... chạy RA₂ tiền.



Nghĩa gốc không gian của RA₁ (vốn gắn liền với tiềm năng nghĩa tố liếp cả trên trục không gian) khúc xạ thành khả năng báo hiệu sắc thái kết quả (ứng với điểm mốc hoàn thành trên trục không gian) của RA₂

RA₁. X đẹp RA₃/.. trẻ RA₃/... giàu RA₃



Nếu RA₃ trong kết cấu (X đẹp ra) là một báo hiệu về sắc thái nhiều ngạc nhiên trong bình giá theo hướng bộc lộ xúc cảm của chủ thể bình phẩm, thì sắc thái ngạc nhiên này có thể hiểu là một trạng thái hướng nội của ấn tượng tương phản, và tương phản khi chưa hướng nội (còn nguyên dạng ở phạm trù không gian) thì chính đó là sự đối lập hẹp — rộng của quá trình vận động vốn gắn với nghĩa từ vựng gốc của RA₁ [6].

6. Như vậy, rõ ràng mối liên hệ bên trong giữa ra₁, ra₂, ra₃, đặc biệt giữa ra₁ với ra₃, đã nói lên một cách khá tiêu biểu tính phức tạp của quá trình chuyển hóa nghĩa của nhóm từ chỉ hướng vận động trong tiếng Việt. Dù sao, chuyển hóa nghĩa ở đây, trước hết, không phải là vấn đề mất nghĩa để trở thành «tự hư» và «tự trống». Mối liên hệ bên trong (tức là mối quan hệ ngữ nghĩa) giữ chúng, tuy qua nhiều dạng khúc xạ, nhưng cuối cùng cái nghĩa mong manh nhất mà ta đang có không hề hoàn toàn phủ định cái dấu ấn bản chất nghĩa đầu tiên. Ngữ nghĩa «đối ứng» (hoặc tương phản) gắn với nhận thức của phạm trù lí tính (được coi là nét bản chất nhất của từ đang nói đến) tuy không đồng nhất được với ngữ nghĩa «ngạc nhiên» (thuộc phạm trù bộc lộ xúc cảm) hình thành về sau; nhưng qua mối liên hệ mà ta còn cảm nhận theo hướng lí giải như bước đầu đã làm thì rõ ràng cái dấu ấn đầu tiên — qua nhiều đường giây khúc xạ và phức tạp vừa tinh tế nhưng rất có nguyên tắc — vẫn còn: nghĩa phạm vi không gian khúc xạ thành nghĩa phạm vi thời gian và nghĩa phạm trù cảm tính; nghĩa tồn tại dưới dạng như là công cụ miêu tả chuyển sang dạng như là công cụ bộc lộ cảm xúc...

hình chung, có thể nói được rằng, lưu ý ghi nhận nét bản chất của từ hướng vận động ở đây, thực chất là tìm mối liên hệ bên trong giữa sự hình thành và phát triển của chúng. Tiền đề *động* nằm trong bản chất ngữ nghĩa và ngay trong phương thức cấu tạo, đã được vừa loại suy vừa khúc xạ trên nhiều phạm trù khác nhau, tạo cho nhóm từ này một ưu thế gần như tuyệt đối, so với nhiều nhóm khác trong tiếng Việt, về mặt phát triển và mở rộng phạm vi chất nghĩa. Do vậy, ghi nhận thêm về bản chất của nhóm từ này đồng thời cũng phần nào là xem xét những nguyên tắc, những qui luật có thể có của quá trình phá vỡ tính thống nhất và ổn định ban đầu một cách tương đối sẵn có giữa (cái ta tạm gọi là) « kí hiệu » và « khái niệm » qua « hành nghĩa thông báo » của chúng; để cuối cùng, từ đó, trở lại làm sáng tỏ hơn những nét thuộc về bản chất của chính chúng trong mối liên hệ giữa chiều sâu của quá trình phát triển nhận thức vốn luôn gắn một cách biện chứng với chiều rộng của sự phân bố lại giá trị các kí hiệu từ góc độ tín hiệu học (vốn thuộc về ngôn ngữ và) trong mối quan hệ với ngôn ngữ./

CHÚ THÍCH

[1] Theo cách xác định của chúng tôi, nhóm này hiện gồm 11: ra, vào, lên, xuống, đến, tới, sang, qua, lại, đi, về (tiêu biểu là *ra, vào, lên, xuống*; ở đây, phần lớn chúng tôi chỉ nêu những từ này). Cho đến nay, nhóm từ chỉ hướng vận động nói chung được nghiên cứu theo hướng miêu tả hơn là lí giải. Sự chuyên hóa của chúng kéo theo vấn đề « từ hư » và « từ thực » – do vậy chưa có phương hướng giải quyết thật thỏa đáng. Bài viết này không trực tiếp giải quyết vấn đề. Tuy nhiên, từ một trong những luận điểm được công nhận trong luận án tiến sĩ (bảo vệ tại CHDC Đức 1984), qua bài này, chúng tôi muốn kết hợp gọi lên gián tiếp một vài tiền đề có tính chất phương hướng theo sự cố gắng chủ quan của mình vào quá trình giải quyết vấn đề chung đang đặt ra.

[2] Có thể so sánh: ... « *trong nhà* » với « *vào nhà* », « *trên gác* » với « *lên gác* »

[3] Trong quốc âm thi tập (XV, Nguyễn Trãi) chưa có RA, VÀO (kể cả chúng xuất hiện dưới dạng *xuất, nhập* cũng không thấy). Điều này phù hợp với lô gích thời gian về trình tự xuất hiện: nhóm *ra, vào, lên, xuống* tiêu biểu cho sự ra đời chậm nhất theo dự đoán của chúng tôi.

[4] Theo chúng tôi, chính bản thân cách xác định này đã chứng nào làm bộc lộ nét loại hình không thể phủ nhận của nhóm từ này trong tiếng Việt khi so sánh với ngôn ngữ Ấn – Âu. Và cũng chính từ đó, đặc biệt từ trong chiều sâu của mối liên hệ giữa hòa kết về ngữ nghĩa và đồng hình về hình thái, ta có tiền đề giải thích vì sao khi là hạt nhân của kết cấu vận động không gian (ví dụ: Tôi lên núi (Việt), Ngã thượng sơn (Hán)) thì sau nó không cần quan hệ từ...

[5] Tính chất khác nhau giữa chúng được xác định như sau:

a) Hướng *không gian* mang tính chất cụ thể, khách quan, có sắc thái đối lập chặt chẽ, có thể nhận biết được bằng trực quan khi quan sát;

b) Hướng *thời gian* tuy bắt đầu trừu tượng, diện đối lập không cao nhưng dù sao trình tự tiến tới của nó trong quá trình vận động vẫn gắn trực tiếp với *trực không gian* :

